TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 229/2025/KDTM-PT
Ngày: 25-07-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Thẩm phán: 1. Bà Phan Thị Út

2. Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2025/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2928/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10288/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V2

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khắc K, ông Vũ Văn V, ông Nguyễn Tài H, ông Nguyễn Minh T; cùng địa chỉ: Tầng A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 2187/2025/UQN-TP ngày 15/7/2025).

2. Bị đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ: F, cư xá P, đường B, Phường A, Quận F, Thành phố H phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H1, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: A Chung cư A, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: A Chung cư A L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Q; địa chỉ liên hệ: D L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp) (theo Giấy ủy quyền ngày 12/6/2025).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

(Tại phiên tòa: Ông K, ông V, ông H, ông T và ông Q có mặt; Công ty TNHH P PQvà ông H1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

** Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH P (*sau đây gọi tắt là Công ty P*) vay vốn tại Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh S (*sau đây gọi tắt là V3*) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/19136 ngày 30/12/2019 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn kinh doanh cho sản xuất cơm sấy và bán buôn thực phẩm.

Căn cứ Giấy đề nghị giải ngân ngày 20/8/2020 của Công ty P, ngày 20/8/2020, Phòng V3 Lê Văn V1 – Chi nhánh Thành phố H đã giải ngân số tiền 1.500.000.000 vào số tài khoản 053704070006883 mở tại Ngân hàng H3 – P1 của Công ty TNHH T1 với nội dung thanh toán hóa đơn số 0000151, 0000191. Việc giải ngân này được thể hiện tại Điện báo và Ủy nhiệm chi ngày 20/8/2020.

Tại Khế ước nhận nợ số 02/SGN/19136-02 ngày 20/8/2020 được xác lập giữa Công ty P và Phòng V3 Lê Văn V1 – Chi nhánh Thành phố H đã thể hiện bên vay xác nhận đã nhận nợ toàn bộ số tiền cho vay là 1.500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 04 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 20/8/2020 đến ngày 20/12/2020. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn, mức độ tín nhiệm của bên vay. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả lãi áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Khoản vay của Công ty P được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Thanh H1 theo Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019

ký giữa V3 và ông Nguyễn Thanh H1 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019 ký giữa V3 và ông Nguyễn Thanh H2.

Theo Hợp đồng bảo lãnh, Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng một cách vô điều kiện và không hủy ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau: "Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng...".

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V3 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty P để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty P cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do đó, V3 đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của Công ty P từ ngày 10/10/2020.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa xem xét và buộc:

1. Công ty P phải trả ngay một lần cho V3 tổng số nợ tính đến ngày 10/6/2024 gồm: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27.077.079 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.784.784.203 đồng; Nợ lãi chậm trả: 9.940.626 đồng. Tổng cộng: 3.321.801.908 đồng. Kể từ ngày 11/6/2024 Công ty P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V3.

2. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Thanh H2 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019 đã ký.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn trình bày:*

Tại Bản tự khai ngày 29/3/2024, ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn xác nhận: Công ty P PQký Hợp đồng cho vay hạn mức số: SGN/19136 ngày 30/12/2019 có vay số tiền như nguyên đơn trình bày, nay xác định còn nợ và có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo đơn khởi kiện và các bản khai của nguyên đơn. Hiện nay doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đề nghị Ngân hàng cho bị đơn thanh toán tiền nợ gốc lãi trong thời hạn 3 tháng, nếu trường hợp bị đơn không thánh toán được thì thực hiện theo hợp đồng bảo lãnh mà đã ký. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Về nội dung vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn ông H1 không có ý kiến. Ông H1 xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 để bảo lãnh nợ vay cho Công ty P PQvới Ngân hàngÔng H1 đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu công ty không trả hết nợ và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông H1 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2 trình bày:*

Về yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn Công ty P PQtoán toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ông H2 không có ý kiến. Về Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019, ông H2 xác định đúng là chữ ký của ông H2, không có ý kiến về việc yêu cầu chấp nhận bảo lãnh, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông H2 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Buộc Công ty TNHH P toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 các khoản nợ (tính đến ngày 10/6/2024) như sau: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27.077.079 đồng; Nợ lãi quá hạn 1.784.784.203 đồng; Nợ lãi chậm trả: 9.940.626 đồng. Tổng cộng: 3.321.801.908 (Ba tỷ, ba trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, chín trăm lẻ tám) đồng.

2. Kể từ ngày 11/6/2024 Công ty TNHH P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Thanh H2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019 đã ký.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2 đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay của Công ty P là không phù hợp.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2 là ông Nguyễn Xuân Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo hướng sửa bản án sơ thẩm vì buộc ông có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay của Công ty P PQ là không phù hợp do ông H2 không biết và không có liên quan đến khoản vay của Công ty P.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của ông H2, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của ông H2 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H2 được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/19136 giữa Ngân hàng TMCP V2 – Chi nhánh S và Công ty P, Giấy đề nghị giải ngân ngày 20/8/2020, Điện báo và Ủy nhiệm chi ngày 20/8/2020, Khế ước nhận nợ số 02/SGN/19136-02 ngày 20/8/2020 có cơ sở xác định: Công ty P có vay của Ngân hàng TMCP V2 số tiền 1.500.000.000 đồng. Phương thức giải ngân là chuyển khoản vào tài khoản của người thụ hưởng, đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH T1, số tài khoản 053704070006883 mở tại Ngân hàng H3 – Phòng G, với nội dung: Thanh toán hóa đơn số 0000151, 0000191.

Do Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 7 Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/19136 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn nợ là phù hợp.

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019 cùng sự thừa nhận của ông H1 và ông H2 tại Tòa án cấp sơ thẩm, sự thừa nhận của ông H2 tại phiên tòa phúc thẩm về việc ký kết hợp đồng bảo lãnh, có cơ sở xác định giữa ông H1, ông H2 và Ngân hàng TMCP V2 đã tự nguyện xác lập hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay của Công ty P.

Xét, tại Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019 quy định: Bên bảo lãnh đồng ý

bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Bên được bảo lãnh với Bên ngân hàng.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H1 và ông H2 liên đới chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký trong trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V2 là phù hợp,

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông H2 phải chịu án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, 308 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

1. Buộc Công ty TNHH P toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 các khoản nợ (tính đến ngày 10/6/2024) gồm: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 27.077.079 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.784.784.203 đồng; Nợ lãi chậm trả: 9.940.626 đồng. Tổng cộng là 3.321.801.908 (Ba tỷ, ba trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, chín trăm lẻ tám) đồng.

2. Kể từ ngày 11/6/2024, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số SGN/19136 ngày 30/12/2019 và Khế ước nhận nợ số 02/SGN/19136-02 ngày 20/08/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Thanh H2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19137 ngày 30/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số SGN/19138 ngày 30/12/2019.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P PQchịu là 98.436.038 (*Chín mươi tám triệu bốn trăm ba mươi sáu triệu không trăm ba mươi tám*) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.655.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0012627 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H2 phải chịu là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0065143 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn Thanh H2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực 3 - TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 3 - TPHCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Hường